TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 452/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-10-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quang Minh.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nga Muội là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X; Sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn X1; Sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà và ông Võ Văn X1 tự nguyện chung sống cùng nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau, dẫn đến việc ông X1 có đánh bà. Do không thể tiếp tục sống chung được nên bà yêu cầu ly hôn với ông X1.

Thời gian chung sống, bà và ông X1 có 02 con chung tên Võ Kiều T, sinh ngày 11/12/1999 và Võ Mỹ N, sinh ngày 19/11/2001, các con đã thành niên, có gia đình và sống riêng, nên bà không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Võ Văn X1 trình bày: Ông và bà X tự nguyện chung sống cùng nhau vào năm 1999, việc có đăng ký kết hôn chưa thì ông không nhớ. Thời gian chung sống vợ chồng có bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến việc ông có đánh bà X. Bà X yêu cầu

ly hôn ông không đồng ý, yêu cầu được đoàn tụ, vì ông còn tình cảm vợ chồng rất nhiều với bà X, ông cam kết sẽ sửa đổi lỗi lầm và sống tốt với bà X.

Vợ chồng có 02 con chung như bà X trình bày, các con đã thành niên và sống riêng, nên ông không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Thời gian bà X và ông X1 chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, ông X1 thừa nhận có đánh bà X. Mặc dù, ông X1 hứa sẽ sửa đổi lỗi lầm và sống tốt với bà X, đồng thời ông đã tìm các biện pháp nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng bà X vẫn cương quyết giữ quan điểm yêu cầu được ly hôn.

Mặc khác, tại Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K xác nhận: Qua tra cứu hồ sơ lưu kết hôn do Ủy ban nhân dân xã K quản lý không có tên của ông Võ Văn X1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1980; bà X và ông X1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định ông, bà có đăng ký kết hôn. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà X và ông X1 được xác lập vào năm 1999, nhưng chưa đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà X và ông X1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà X và ông X1 có 02 con chung hiện đã thành niên và sống riêng, không đặt ra yêu cầu, nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông X1 không yêu cầu, nên không giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Bà X phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp được khấu trừ.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị X và ông Võ Văn X1 là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng, bà X đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005543 ngày 22/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn Sông Đốc (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Việt Xô